

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Quán Rẽ, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1995; nơi ĐKKTT: Thôn Quán Rẽ, xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, hiện ở Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn anh Đỗ Thành T trình bày:

Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng ngày 09 tháng 02 năm 2018. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hòa hợp về quan điểm sống. Sau đó chị L sang làm ăn sinh sống tại Australia, từ đó anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn, đoàn tụ là không thể. Nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn của bị đơn chị Phạm Thị L, chị L trình bày:

Chị Phạm Thị L thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Đỗ Thành T. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2018. Anh Đỗ Thành T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Chị Phạm Thị L hiện đang cư trú tại nước ngoài. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Đỗ Thành T và bị đơn chị Phạm Thị L đều vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Lời khai của anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L thống nhất với lời khai của đại diện gia đình về thời gian kết hôn, về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Từ năm 2020 đến nay, anh T và chị L đã sống ly thân, mỗi người một nơi, anh chị không còn liên hệ với nhau. Chị L hiện sống tại Australia còn anh T đã trở về Việt Nam. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã ly thân không ai còn quan tâm đến ai cả về tình cảm cũng như kinh tế, do khoảng cách địa lý xa xôi khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Như vậy việc anh T xin ly hôn với chị L là hoàn toàn chính đáng. Xét, quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã không còn tồn tại, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T và chị L được ly hôn.

[4] Về con chung: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L không yêu cầu giải quyết nên không cần xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Đỗ Thành T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không cần xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đỗ Thành T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Thành T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Thành T được ly hôn chị Phạm Thị L.
2. Về con chung: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Thành T và chị Phạm Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Thành T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000849 ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đỗ Thành T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Đỗ Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Mỹ Đức, h. An Lão, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy